

13/6

Phụ lục số 04

Lan Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Năm báo cáo: năm 2018

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐIỆN

Ngày: 12-06-2019

Số: 13764

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

TÊN GỌI : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

TÊN TIẾNG ANH: VINACAP TELECOM ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VINACAP.,JSC

Trụ sở : Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 35377989 Fax: (84.24) 35377988

Website : www.vinacap.vn Email: vinacap@vinacap.vn

Mã số thuế : 0102306413

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh : 156.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 156.000.000.000 đồng



Logo:

2. Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng từ ngày 05/09/2008.

3. Niêm yết, giao dịch Upcom:

Quyết định số 291/QĐ-SGDHN ngày 29/05/2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc “Chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP” và Thông báo số 547/TB-SGDHN ngày 29/05/2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về “Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần viễn thông Điện tử VINACAP” trên thị trường UpCoM với những nội dung sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

- Mã chứng khoán: VTE
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.600.000 cổ phiếu (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn cổ phiếu)
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 156.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu tỷ đồng)
- Ngày giao dịch đầu tiên: Ngày 05 tháng 06 năm 2018

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 06 theo số 0102306413 ngày 23 tháng 05 năm 2017 như sau:

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại - Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện từ) và cáp; - Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;	2733
2	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện: - Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; - Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng;	2710
3	Đại lý, môi giới, đấu giá: - Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh; - Môi giới thương mại;	4610
4	Sản xuất linh kiện điện tử: - Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học;	2610
5	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	- Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông	
6	Lắp đặt hệ thống điện: - Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học. - Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;	4321
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: - Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;	7730
8	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; - Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;	4652
9	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
10	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí);	6312
11	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
12	In ấn	1811
13	Sản xuất pin và ắc quy	2720
14	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
15	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Kinh doanh bất động sản;	6810
18	Quảng cáo: - Quảng cáo thương mại;	7310
19	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	trong các cửa hàng chuyên doanh	
21	Hoạt động viễn thông khác - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông;	6190
22	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: - Đại lý bảo hiểm	6622
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: - Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;	7490
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: - Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp, vật liệu điện công nghiệp, dân dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
25	Hoạt động viễn thông khác - Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng, thiết bị vô tuyến điện: Thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông, thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông (<i>Điều 10, Nghị định 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông</i>)	6190
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
27	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
30	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều	2710

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	khiển điện: - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng	
31	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
32	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659
34	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
35	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
36	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các loại trà được thảo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất các thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như bánh Sandwich, bánh Pizza; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc, nhân tạo; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng.	1079

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
37	Cho thuê xe có động cơ: - Cho thuê xe Ô tô từ 4 – 16 chỗ ngồi	7710

5. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1992: Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cáp Vinadaesung. Công ty liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt Nam sản xuất cáp thông tin sợi đồng phục vụ quá trình số hóa mạng lưới.

Tháng 3/2001: Tập đoàn NEXANS - Pháp mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea. Cùng với NEXANS Korea, Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS, nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quốc tế TÜV CERT - TÜV Nord (CH Liên bang Đức cấp).

Tháng 6/2007: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung giải thể do hết thời hạn 15 năm liên doanh, các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thương mại Bru chính Viễn thông (COKYVINA).

Ngày 9/11/2007 Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.

Năm 2008: Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, công ty lần đầu tiên có sản phẩm mới hoàn toàn: Cáp quang.

Năm 2009: Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, công ty chính thức xâm nhập thị trường Dây cáp điện. Đồng thời là nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thỏa thuận để phân phối sản phẩm Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, Vinacap chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.

Năm 2010: VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thỏa thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hoà mạng Alo_Avio độc đáo. Điện thoại AVIO tạo thành một hiện tượng đặc biệt về nhu cầu trên thị trường nhờ Rẻ - Đẹp - Tiện ích.

Tháng 11/2010: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu mạng thành Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP. VINACAP định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trên 3 hướng: Sản xuất dây cáp (cáp quang, cáp điện) và thiết bị điện; Phát

triển các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông; Kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ viễn thông.

Các thành tích

Là một trong những nhà sản xuất các loại cáp có uy tín nhất từ năm 1992, từ công ty Liên doanh Vinadaesung nay trở thành Công ty Cổ phần VTĐT VINACAP, công ty đã tiến hành đa dạng hoá nhanh chóng, ngày càng khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín.

Công ty vinh dự được đón các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới thăm:

- Đồng chí Tổng Bí Thư Đỗ Mười.
- Đồng Chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương.
- Đồng Chí Chủ tướng Chính Phủ Nguyễn Tấn Dũng.

Các danh hiệu Công ty đạt được qua các năm như sau:

Năm 1998: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các giải thưởng về chất lượng



Năm 2001: Bằng khen của Bộ thương mại

Năm 2003: Huân chương lao động hạng ba



Năm 2004: Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội, Bằng khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động Việt nam.

Năm 2005: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam, Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Bưu điện Việt nam, Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội.



Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng .

Năm 2007: Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông

Năm 2008: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Năm 2009: Cờ thi đua của Bộ Thông tin & Truyền thông, Huy chương vàng Hội trợ triển lãm, và nhận giải thưởng Top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam 2009 do thời báo Kinh Tế bầu chọn

Năm 2010: Cờ thi đua của Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Năm 2011: Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định số 153, ngày 08/09/2011, tặng huân chương lao động hạng nhì.

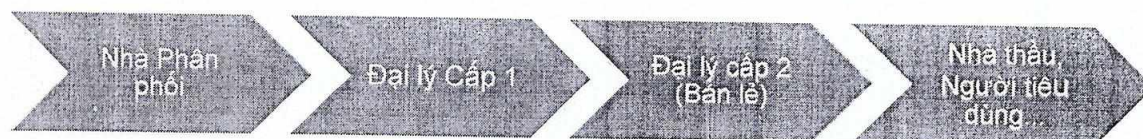
Huân chương lao động hạng 2 giai đoạn 2006-2010;

Hoạt động marketing

Công ty có kế hoạch khuếch trương hình ảnh Công ty một cách đồng bộ và mạnh mẽ thông qua truyền hình, quảng cáo trên các tạp chí có uy tín, tài trợ các chương trình thể thao văn hoá ... với phương châm: Hiệu quả - thiết thực, tạo được ấn tượng tốt đối với khách hàng.

Hiện nay, Công ty đã tập trung xây dựng thương hiệu **Dây cáp và Thiết bị điện VINACAP**, đồng thời thiết lập được hệ thống kênh phân phối Dây cáp và thiết bị điện rộng khắp các tỉnh/thành phố trên cả nước. Hệ thống phân phối của Công ty có nguồn nhân lực gồm các giám sát bán hàng, đại diện thương mại ở khắp các tỉnh có năng lực phát triển thị trường tốt.

Hệ thống phân phối của Công ty được xây dựng theo mô hình như sau:



Nguồn: Vinacap

Đối với cáp viễn thông (cáp quang và cáp thông tin lõi đồng), Công ty thực hiện phát triển mạnh kênh bán hàng cho các dự án xây dựng lớn, có một bộ phận kinh doanh dự án chuyên phục vụ cho việc đấu thầu, tìm kiếm và phát triển các đối tác lớn như các Tổng công ty xây dựng, chủ đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, các công ty thiết kế....

Công ty đã thành lập bộ phận thương hiệu chuyên nghiệp, nằm trong phòng Vật tư-Thương mại-Thương hiệu với các nhân viên có trình độ đại học chuyên sâu.

Công ty đã có bộ tiêu chuẩn nhận diện chuyên nghiệp do công ty tư vấn thương hiệu Sacctchi and Sacctchi thực hiện, thời gian vừa qua công ty đã có nhận diện tốt trên thị trường thông qua hệ thống biển bảng của đại lý, một số chương trình truyền hình, báo chí... Các chương trình này đã giúp quảng bá hình ảnh của công ty trên thị trường.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Coi trọng vai trò của thương hiệu trong cạnh tranh thị trường và xây dựng giá trị doanh nghiệp lâu dài, ngay từ khi thành lập công ty đã thuê tư vấn nước ngoài Hãng Saatchi and Saatchi giúp xây dựng chiến lược thương hiệu, hệ thống hoá toàn bộ nhận diện hình ảnh và phương án triển khai xây dựng thương hiệu lâu dài.

Với nỗ lực không ngừng Vinacap ngày càng khẳng định thương hiệu của mình, do vậy để bảo vệ thương hiệu và đảm bảo hoạt động trong tương lai, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ theo biên bản đăng ký năm 2006 với mẫu thương hiệu đăng ký là.



Logo của Công ty

Ý nghĩa:

Logo công ty hình con tê giác màu nâu trên nền vàng: con tê giác là con vật to lớn, mạnh khỏe nhưng lại rất nhanh nhẹn. Màu nâu thể hiện màu đất chính là cái gốc của sự sinh sôi phát triển, màu vàng là màu của thịnh vượng.

Khẩu hiệu: “**Đây chắc mạch bền**” cho dây và cáp

Dựa trên câu tục ngữ “Ăn chắc mặc bền”. Ý nghĩa: Vừa nói lên đặc thù sản phẩm dây và cáp của công ty, vừa nêu bật được chất lượng sản phẩm của Công ty. Trong tương lai, đối với mỗi dòng sản phẩm công ty sẽ có sẽ có khẩu hiệu riêng phù hợp với sản phẩm.

Định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của ngành và của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

Xây dựng văn hóa công ty trên các trụ cột “Chất lượng – Sáng tạo – Táo bạo”, tuyên truyền quán triệt tới từng lao động để từng bước xây dựng thương hiệu cho công ty, đưa Công ty trở thành mái nhà lớn tập hợp người con người tâm huyết và tài năng.

Chiến lược của Công ty là “Phát triển bền vững” với các lĩnh vực chính:

- Sản xuất cáp các loại và thiết bị điện dân dụng: Hai nhóm sản phẩm chính là nhóm

ngành Cáp viễn thông – Dây cáp điện với các sản phẩm Cáp quang, Dây cáp điện và thiết bị điện dân dụng,

- Nhóm ngành sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông. Công ty hướng tới trở thành nhà nghiên cứu, sản xuất và phân phối có uy tín trên thị trường.

- Phát triển dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ kỹ thuật cho mạng viễn thông, đây là hoạt động nhiều triển vọng, phù hợp với chiến lược tăng tốc công nghiệp nội dung, giải trí tại Việt nam.

- Thực hiện kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ đạo gồm tổ chức kênh phân phối về thiết bị viễn thông, phụ kiện phục vụ trong và ngoài Tập đoàn, và hoạt động thương mại mua, bán vật tư sản xuất cáp phục vụ các dự án, công trình xây dựng.

Về chính sách chất lượng, với tôn chỉ “Sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng cao, có vị trí hàng đầu về chất lượng tại Việt Nam và thoả mãn yêu cầu của khách hàng; trên cơ sở đó, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích hợp lý cho các Cổ đông”, Công ty cam kết thực luôn thực hiện đúng các quy trình quản lý và sản xuất, không ngừng nghiên cứu áp dụng các giải pháp cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm thiểu hư hỏng, thất thoát.

Với khách hàng, Công ty luôn duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, xây dựng quan hệ lâu dài, gần gũi với mọi khách hàng và bạn hàng; bám sát thị trường để kịp thời đề xuất cải tiến và điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp.

Về xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, Công ty có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Công ty xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp..

Tất cả các chính sách và chiến lược trên được thực hiện để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Định hướng phát triển của Công ty nêu trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành hạ tầng viễn thông – điện lực.

Thị trường tiêu thụ

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn VNPT đã có quan hệ truyền thống và uy tín lâu năm với Tập đoàn, Viễn thông và Bưu điện tỉnh thành trong cả nước, các đơn vị trong VNPT. Cụ thể:

Tập đoàn VNPT, Viễn thông/Bưu điện tỉnh thành trên cả nước; Tổng Công ty VNPT VINAPHONE; Tổng Công ty Viễn thông Mobifone; Tập đoàn Viettel, Tập đoàn EVN, FPT, CMC..... các dự án xây dựng, công trình xây dựng....

Phát triển các kênh phân phối bán hàng trên toàn quốc về sản phẩm điện và thiết bị điện..... cung các trung tâm bảo hành và chăm sóc khách hàng trên toàn quốc...

Các hãng, đối tác nước ngoài: Simitomo, Fujikura, Corning, Gemalto, Workz, Microsoft, ITEL, HP, Alcatel, Huawei, ZTE...

2. Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và địa bàn hoạt động:

Công ty VINACAP chuyên kinh doanh theo 3 mảng lớn:

(1)	○ Thiết bị, vật tư viễn thông, công nghệ thông tin	○ Simcard, USB 3G phụ kiện, nguồn, Modem ADSL, Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn...
(2)	○ Sản xuất các loại cáp thông tin	○ Cáp đồng, cáp quang, Cáp LAN...dây và thiết bị điện.....
(3)	○ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	○ Cho mạng viễn thông, trên điện thoại di động.

2.1. Sản xuất

Cáp thông tin các loại : Từ năm 1992 đến nay.

Dây và Cáp điện dân dụng và thiết bị điện : Từ năm 2008 đến nay.

❖ Cáp quang, phụ kiện và dây cáp viễn thông sợi đồng

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP tiền thân là công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung, doanh nghiệp đầu tiên sản xuất cáp thông tin sợi đồng và đã chuyển giao công nghệ sản xuất cho nhiều đơn vị Việt Nam cùng sản xuất.

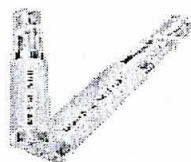
Thừa hưởng các cơ sở vật chất, quy trình sản xuất **Cáp thông tin lõi đồng** cũng như mô hình quản lý hiệu quả của Công ty Liên doanh Vinadaesung, trong năm 2007 Công ty tiếp tục hoạt động và đạt mức doanh thu gần 38 tỷ đồng. Trong năm 2007, cáp thông tin lõi đồng vẫn là sản phẩm duy nhất của Công ty nên tỷ trọng của sản phẩm này chiếm 100% doanh thu của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp thông tin lõi đồng tiêu biểu

Cáp tự treo có dấu



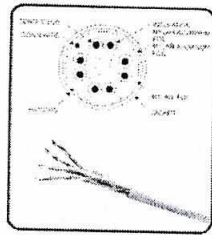
Cáp Tip



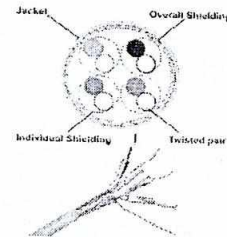
- Dung lượng từ 1 đôi đến 600 đôi.
- Đường kính dây dẫn 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Dung lượng đến 600 đôi
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.5E FTP



Cáp mạng Lan Dintek CAT.6 S-STP

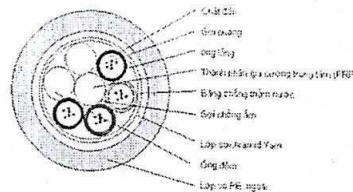
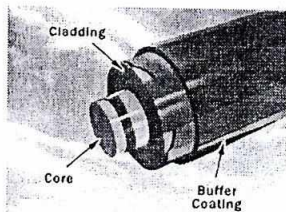


Nhận biết được sự xu hướng của thị trường trong việc thay thế cáp thông tin lõi đồng bằng cáp quang, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang và chính thức vận hành từ đầu năm 2008. Đến tháng 9 năm 2008, Công ty đã đưa sản phẩm cáp quang ra thị trường, doanh thu của sản phẩm này trong 4 tháng năm 2008 mang lại 28,2 tỷ đồng chiếm 26,4% doanh thu năm 2008. Doanh thu cáp viễn thông sợi đồng cả năm 2008 là 44,3 tỷ chiếm 41,5% doanh thu năm 2008. Tuy nhiên, xu thế thị trường cáp viễn thông sợi đồng ngày càng sụt giảm. Năm 2009, doanh thu của sản phẩm cáp quang tiếp tục tăng mạnh và cáp viễn thông sợi đồng tiếp tục giảm do nhu cầu về sản phẩm này trên thị trường giảm xuống. Sang năm 2010, doanh thu từ cáp quang trong 9 tháng đầu năm đã vượt cả năm 2010 ở mức 83,6 tỷ đồng.

Dòng sản phẩm cáp quang được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT với chất lượng tốt, uy tín trên thị trường hiện nay.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp quang

Cáp quang



2.2. Dây điện dân dụng, cáp điện và thiết bị điện

Bên cạnh việc đưa sản phẩm cáp quang mới vào thị trường, Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất **Dây cáp điện hiện đại**, là một mặt hàng mới, có tính cạnh tranh cao, nhưng được thừa hưởng trình độ sản xuất và con người của Công ty Liên doanh Vinadeasung trước đây. Với định hướng là sản phẩm có chu kỳ sống dài sẽ thay thế dần việc sản xuất cáp viễn thông khi thị trường thay đổi. Hiện nay. Thị trường hiện nay của Công ty bao gồm các tỉnh từ phía Bắc đến Bình Định. Đối với sản phẩm thiết bị điện, Công ty đang tiếp tục phát triển các thiết bị điện: Bóng đèn Compact, tủ điện, linh kiện điện... nhằm trở thành một nhà sản xuất có uy tín về các sản phẩm điện dân dụng.

2.3. Thương mại

Do cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất ngày càng gia tăng nên Công ty định hướng mở rộng lĩnh vực hoạt động, phát triển mảng thương mại từ năm 2009 đến nay.

❖ **Vật tư, phụ kiện cho mạng lưới (Simcard, phụ kiện, nguồn, Modem...)** đây là hoạt động mua bán thường xuyên đáp ứng nhu cầu duy trì ổn định mạng lưới của tập đoàn VNPT và các nhà khai thác viễn thông khác. Công ty đã có quan hệ với những đối tác cung cấp uy tín, chất lượng. Đây là hướng đi được Tập đoàn chỉ đạo để đầu ra của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn. Do vậy, hoạt động sẽ được mở rộng và ổn định. Khách hàng chính là Vinaphone, MobiFone, Viễn thông tỉnh, FPT Telecom, Viettel. Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Công ty trong năm 2009, và đang tăng mạnh.

❖ **Cung cấp thiết bị viễn thông, thiết bị nguồn: Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn, USB, SIM card....** Các thiết bị cho nhà mạng viễn thông như nguồn, Accqui, Ăngten....

Thi công xây lắp mạng viễn thông: lắp đặt thiết bị nguồn, thiết bị truyền dẫn

2.4. Địa bàn kinh doanh

Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống đại lý bàn hàng trải rộng trên các tỉnh toàn quốc và bước đầu có hoạt động xuất khẩu sang thị trường một số nước: Myanmar, Phillipine, Campuchia... và các nước khác trên thế giới tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Trụ sở hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP:

Địa chỉ : Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại : 024.3827312 - Fax: 024.382722292

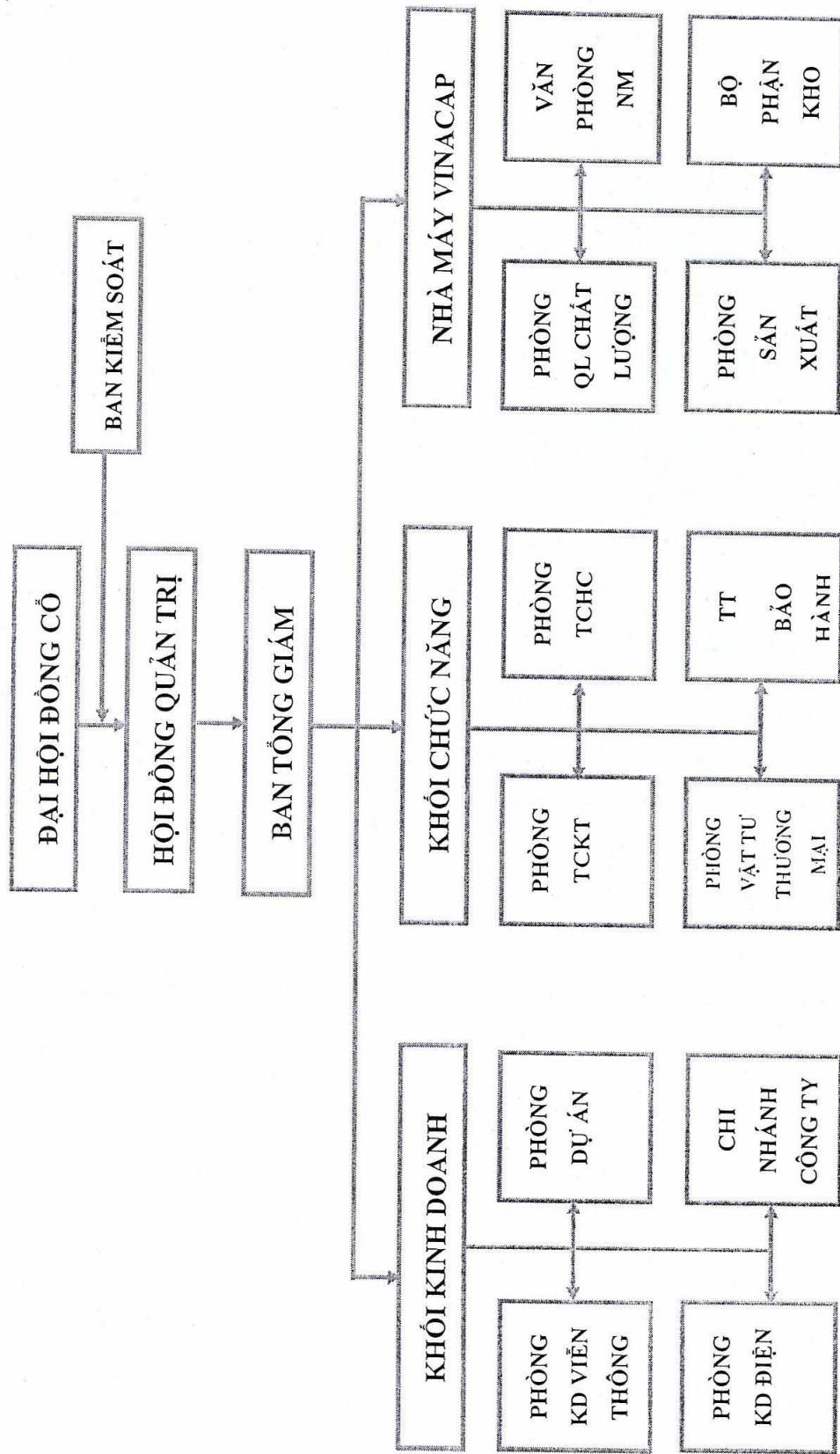
Website : www.vinacap.vn

Văn phòng tại Hà Nội

Địa chỉ : N03-T5 Khu Đoàn Ngoại Giao, P.Xuân Tảo, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024.35377989 - Fax: 024.3537798

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY VINACAP



Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP ngày 23/07/2007, sửa đổi ngày 14 tháng 5 năm 2010.
- Quy chế Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap ban hành kèm theo Quyết định số 057/10/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 11 năm 2010.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất và quyết định mọi vấn đề lớn của Công ty

- Thông qua Điều lệ, tổ chức hoạt động, phương hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty.
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên, Ngoài ra công ty có Thư ký công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy do Tổng giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) với số vốn góp là 49.920.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) tương đương 4.992.000 cổ phần chiếm 32% vốn điều lệ.

❖ VINACAP không có công ty mẹ.

5. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư và Công ty

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng trưởng bền vững, đạt hiệu quả cao

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên
- Có trách nhiệm với xã hội

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

6.1. Tăng trưởng kinh tế

Là một yếu tố quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới.

6.2. Lạm phát

Tình hình lạm phát ở nước ta trong thời gian qua có những diễn biến khó lường. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như sản phẩm dịch vụ đầu ra của Công ty. Điều đó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang có những biến động mạnh.

Tuy nhiên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khủng hoảng có triển vọng phát triển tốt là lực đẩy tốt cho ngành sản xuất vật liệu, thiết bị phục vụ cho những ngành hạ tầng thiết yếu như viễn thông và điện lực phát triển.

6.3. Rủi ro về luật pháp

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.4. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu
- Rủi ro tỷ giá
- Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả SXKD năm 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		
			Kế hoạch	Thực hiện	% +/-
1	Doanh thu	598,67	646,60	709,78	109,8%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	6,12	10,490	3,17	30,2%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	4,97	8,389	2,53	30,2%
4	Vốn điều lệ bình quân	156	156	156	
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	2%/VĐL	4%/VĐL	1,5%/VĐL	37,5%
6	Thù lao HĐQT, BKS		3% LNST	56,9 triệu đồng	
7	Trích lập các quỹ		Theo quy định	0	

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018)

1.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	375.246	377.198	100,52%
2	Nợ ngắn hạn	203.423	205.919	101,23%
3	Nợ dài hạn	0	0	#DIV/0!
4	Vốn chủ sở hữu	171.822	171.279	99,68%
	a. Vốn điều lệ	156	156	100%
	b. Thặng dư vốn cổ phần	5.044	5.044	100%
	c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	#DIV/0!
	d. Quỹ đầu tư phát triển	7.978	7.637	95,73%
	e. Quỹ dự phòng tài chính	0	0	#VALUE!
	f. Lợi nhuận chưa phân phối	2.799	2.597	92,78%

(Nguồn: Trích Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Ngô Hồng Quân	1973	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022)	108.160	0,69 %	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
	- Ông Ngô Hồng Quân làm Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. - Ông Ngô Hồng Quân đổi tên thành Ngô Hoàng Phương theo Nghị Quyết số 42/18/NQ-HĐQT ngày 28/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP và Văn bản số 23/TL TĐHT ngày 03/10/2018 của UBND Huyện Thiệu Hóa Tỉnh Thanh Hóa.							
2	Lê Thanh Sơn	1961	Hà Nội	Cử nhân kinh tế	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022)			Bổ nhiệm ngày 17/05/2017

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
	- Ông Lê Thanh Sơn thôi làm đại diện phần vốn góp của Tập đoàn VNPT tại VINACAP và thôi Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) đối với theo Quyết định số 64/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 30/03/2018 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam “về việc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền phần vốn góp của Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP nhiệm kỳ 2017-2021”. - Ông Lê Thanh Sơn thôi làm TV HĐQT và Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.							
3	Trần Xuân Thái	1970	Hà Nội	Thạc sỹ	UV HĐQT / PTGD nhiệm kỳ III (2017-2022)	3.140.800	20,13%	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
	Trong đó Ông Trần Xuân Thái làm đại diện (20%) phần vốn của Tập đoàn VNPT tại VINACAP (trong tổng số 32%)					3.120.000		
	- Ông Trần Xuân Thái làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. - Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Xuân Thái kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) theo Nghị Quyết số 42/18/NQ-HĐQT ngày 28/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.							
4	Ông Trần Quốc Việt	1964	Hưng Yên	Tiến sỹ	UV HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022)	1.875.744	12,02%	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
	Trong đó Ông Trần Quốc Việt làm đại diện (12%) phần vốn của Tập đoàn VNPT tại VINACAP (trong tổng số 32%)					1.872.000		
	Ông Trần Quốc Việt làm UV HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.							
5	Vũ Hồng Hạnh	1974	Thái Bình	Cử nhân	UV HĐQT / TGD nhiệm kỳ III (2017-2022)	78.520	0,50 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
	Bà Vũ Hồng Hạnh làm UV HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.							
6	Ngô Hữu	1981	Thanh	Thạc sỹ	Phó TGD	80.080	0,51%	Bổ nhiệm

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
	Tâm		Hóa	quản trị kinh doanh	Công ty			ngày 07/06/2018
	- Ông Ngô Hữu Tâm làm UV HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. - Ông Ngô Hữu Tâm thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 02 tháng 07 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) theo Nghị Quyết số 38/18/NQ-HĐQT ngày 22/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP để tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) đã được bầu theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.							
7	Nguyễn Quang Trình	1983	Hải Dương	Thạc Sĩ	Trưởng Ban KS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
8	Đình Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
	Ông Đình Quang Hữu thôi làm TV HĐQT Công ty để làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.							
9	Vũ Hoàng Công	1984	Lạng Sơn	Thạc sỹ, CPA	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
10	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	10.400	0,07%	
	Ông Phạm Văn Ninh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 02 tháng 07 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) để tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) đã được bầu theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018							
11	Phạm Thùy Dương	1990	Hải Dương	Cử nhân	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
	Bà Phạm Thùy Dương thôi làm TV BKS Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số							

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.								
Tổng cộng:						5.293.704	33,93%	

(Căn cứ Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018)

2.2. Thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017 – 2022) gồm 05 thành viên bổ nhiệm theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:

Hội đồng quản trị		Ghi chú
Ông Ngô Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT / Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Trần Xuân Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Trần Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018

2.3. Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT / Tổng Giám đốc

2.4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017 – 2022) gồm 03 thành viên bổ nhiệm theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:

Ban kiểm soát		Ghi chú
Ông Nguyễn Quang Trình	Trưởng Ban KS	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Vũ Hoàng Công	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Đinh Quang Hữu	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Phạm Văn Ninh	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành: Có và xem mục 2.1

2.6. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Bảng 1. Cơ cấu lao động theo giới tại ngày 31/12/2018

Cơ cấu theo giới		
Giới	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Nam	119	81,51%
Nữ	27	18,49%
Tổng	146	100%

Bảng 2. Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn tại ngày 31/12/2018

Cơ cấu theo trình độ học vấn		
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học và trên đại học	57	39,04%
Cao đẳng	22	15,07%
Trung học chuyên nghiệp và trình độ khác	67	45,89%
Tổng	146	100%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần			

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:	Không chia	Không chia	
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
1	Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}} =$	26,077,640,627	25,874,015,034
		%	377,198,703,892 6.91%	375,246,405,497 6.90%

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
1.2	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản}} =$	351,121,063,265	349,372,390,463
		$\%$	377,198,703,892	375,246,405,497
		$\%$	93.09%	93.10%
	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	205,919,413,475	203,423,552,333
1.3		$\%$	377,198,703,892	375,246,405,497
		$\%$	54.59%	54.21%
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	171,279,290,417	171,822,853,164
	(Hệ số tài trợ)	$\%$	377,198,703,892	375,246,405,497
		$\%$	45.41%	45.79%
1.3	Tỷ trọng vốn vay và nợ			
	Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ ngắn hạn}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	205,919,413,475	203,423,552,333
		$\%$	377,198,703,892	375,246,405,497
		$\%$	54.59%	54.21%
	Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$		
		$\%$		
	Nợ dài hạn / Nguồn vốn chủ sở hữu	$= \frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} =$		
		$\%$		

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
1.4	Tỷ số Nợ phải trả / Vốn cổ phần	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu}} = \%$	205,919,413,475	203,423,552,333
			161,044,700,000	161,044,700,000
			127.86%	126.31%
1.5	Tỷ số Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ trên vốn chủ)	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} = \%$	205,919,413,475	203,423,552,333
			171,279,290,417	171,822,853,164
			120.22%	118.39%
1.6	Tỷ số Nợ phải trả / Tổng tài sản (Hệ số nợ)	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \%$	205,919,413,475	203,423,552,333
			377,198,703,892	375,246,405,497
			54.59%	54.21%
1.7	Tốc độ tăng tổng tài sản	$= \frac{\text{Tổng tài sản cuối kỳ} - \text{Tổng tài sản đầu kỳ}}{\text{Tổng tài sản đầu kỳ}} = \%$	1,952,298,395	-4,185,915,271
			375,246,405,497	379,432,320,768
			0.52%	-1.10%
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát	$= \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}} = \text{lần}$	377,198,703,892	375,246,405,497
			205,919,413,475	203,423,552,333
			1.83	1.84

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
2.2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} =$ lần	351,121,063,265 205,919,413,475 1.71	349,372,390,463 203,423,552,333 1.72
2.3	Tỷ lệ thanh toán nhanh	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} =$ lần	169,660,679,261 205,919,413,475 0.82	193,329,992,702 203,423,552,333 0.95
2.4	Tỷ lệ thanh toán tức thời	$= \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}} =$ lần	18,775,521,394 205,919,413,475 0.09	40,754,539,405 203,423,552,333 0.20
2.5	Hệ số khả năng chi trả	$= \frac{\text{Số tiền thuần lưu chuyển trong kỳ}}{\text{Nợ ngắn hạn}} =$ lần	-21,978,034,493 205,919,413,475 -0.11	10,262,308,591 203,423,552,333 0.05
2.6	Khả năng thanh toán lãi vay	$= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Chi phí lãi vay}} =$ lần	3,174,105,768 7,913,998,735 0.40	6,121,999,143 7,300,028,204 0.84
2.7	Tỷ số đảm bảo nợ	$= \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Nợ dài hạn}} =$ lần		

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
	Tỷ số đảm bảo nợ ngắn hạn	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} =$ lần	351,121,063,265 205,919,413,475 1.71	349,372,390,463 203,423,552,333 1.72
3	Chỉ số sinh lời			
3.1	Tỷ suất Lợi nhuận / Doanh thu			
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} =$ %	2,531,135,155 709,780,774,418 0.36%	4,971,661,028 598,678,853,495 0.83%
	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	$= \frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần}} =$ %	2,531,135,155 709,780,774,418 0.36%	4,971,661,028 598,678,853,495 0.83%
3.3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân [(ĐK+CK)/2]}} =$ %	2,531,135,155 376,222,554,695 0.67%	4,971,661,028 377,339,363,133 1.32%
3.4	Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]}} =$ %	2,531,135,155 171,551,071,791 1.48%	4,971,661,028 169,585,605,701 2.93%

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
3.5	Tỷ lệ Hoàn vốn đầu tư (ROI)	Lợi nhuận sau thuế	2,531,135,155	4,971,661,028
		= $\frac{\text{Tổng vốn đầu tư bình quân} [(\text{ĐK} + \text{CK})/2]}{\text{Lợi nhuận sau thuế}}$ = %	161,044,700,000 1.57%	161,044,700,000 3.09%
		= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế kỳ này} - \text{Lợi nhuận sau thuế kỳ trước}}{\text{Lợi nhuận sau thuế kỳ trước}}$ = %	-2,440,525,873 -49.09%	(7,374,727,270) -59.73%
3.6	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận			
4	Chỉ số hoạt động	Doanh thu thuần	709,780,774,418	598,678,853,495
		= $\frac{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu} [(\text{ĐK} + \text{CK})/2]}{\text{Doanh thu thuần}}$ = lần	146,393,501,426 4.85	170,984,724,455 3.50
		Thời gian thu tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải thu) ngày	74	103
		Giá vốn hàng bán =	667,045,832,309	557,669,766,703
		= $\frac{\text{Số dư bình quân khoản phải trả người bán} [(\text{ĐK} + \text{CK})/2]}{\text{Giá vốn hàng bán}}$ = lần	77,487,347,760 8.61	76,863,931,913 7.26

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
	Thời gian trả tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải trả)	ngày	42	50
4.3	Số vòng quay hàng tồn kho	$= \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Mức tồn kho bình quân} [(ĐK+CK)/2]} =$ lần	667,045,832,309	557,669,766,703
	Thời gian quay vòng của hàng tồn kho (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay hàng tồn kho)	ngày	91	90
4.4	Số vòng quay vốn lưu động	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân} [(ĐK+CK)/2]} =$ lần	709,780,774,418	598,678,853,495
	Thời gian quay vòng của vốn lưu động (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay vốn lưu động)	ngày	168	197
4.5	Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân} [(ĐK+CK)/2]} =$ lần	709,780,774,418	598,678,853,495
			23,305,151,099	25,110,816,825
			30.46	23.84

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
4.6	Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	Doanh thu thuần	709,780,774,418	598,678,853,495
		= $\frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{[(\text{ĐK} + \text{CK})/2]}$ =	376,222,554,695	377,339,363,133
		lần	1.89	1.59
4.7	Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	709,780,774,418	598,678,853,495
		= $\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân}}{[(\text{ĐK} + \text{CK})/2]}$ =	171,551,071,791	169,585,605,701
		lần	4.14	3.53
4.8	Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	Doanh thu thuần	709,780,774,418	598,678,853,495
		= $\frac{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu bình quân}}{[(\text{ĐK} + \text{CK})/2]}$ =	161,044,700,000	161,044,700,000
		lần	4.41	3.72
4.9	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	Doanh thu thuần kỳ này - Doanh thu thuần kỳ trước	111,101,920,923	-215,876,337,717
		= $\frac{\text{Doanh thu thuần kỳ trước}}{\text{Doanh thu thuần kỳ trước}}$ =	598,678,853,495	814,555,191,212
		%	18.56%	-26.50%
5	Khả năng tăng trưởng	Lợi nhuận sau thuế	2,531,135,155	4,971,661,028
		= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối}}{\text{Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối}}$ =	2,597,415,885	2,799,467,782
		%	97%	177.59%

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
	Tỷ số tăng trưởng bền vững	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} =$ %	2,597,415,885	2,799,467,782
			171,279,290,417	171,822,853,164
			1.52%	1.63%
6	Hệ số cân đối vốn			
	Vốn luân chuyển	$= \frac{\text{Nợ dài hạn} + \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản dài hạn}}{\text{Vốn}} =$	171,279,290,417	171,822,853,164
	Vốn lưu động thuần	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nợ ngắn hạn}}{\text{Vốn}} =$	145,201,649,790	145,948,838,130

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Cơ cấu cổ phần chứng khoán:

Loại chứng khoán	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Chứng khoán phổ thông	468	15.600.000	100 %
Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng	0	0	0%
Tổng số	468	15.600.000	100 %

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	468	15.600.000	100
	Tổ chức	3	9.221.328	59,11
	Cá nhân	465	6.378.672	40,89
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		468	15.600.000	100

Cơ cấu cổ đông theo bộ phận:

Bộ phận	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ban quản lý công ty	9	326.560	2,09%
Cán bộ công nhân viên	120	1.351.688	8,66 %
Cổ đông nhà nước (Tập đoàn VNPT)	01	4.992.000	32,00 %
Không thuộc bộ phận nào	336	8.929.752	57,25 %
Tổng số	468	15.600.000	100%

Cơ cấu vốn góp:

Theo danh sách chốt đến 31 tháng 12 năm 2018: Vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng tương đương 15.600.000 cổ phần và cơ cấu cổ đông nắm giữ trên 5% như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	100684378	Số 57 - Huỳnh Thúc Kháng Đống Đa - Hà Nội	4.992.000	32,00%
2	Công ty CP Thương mại Phương Trung	0800501679	Cụm CN Hoàng Diệu, Xã Hoàng Diệu, Gia lộc, Hải dương	4.225.584	27,09%
3	Phạm Văn Trung Kiên	11870883	Số 30 Ngõ 121 Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội	1.602.536	10,27%

TT	Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
4	Tổ chức và các nhân khác (nắm giữ dưới 5%)			4.779.880	30,64%
Tổng cộng				15.600.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

IV. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019 tối thiểu	Kế hoạch 2019 mục tiêu	Ghi chú
Doanh thu	709,78	624,015	624,015	
Lợi nhuận trước thuế	3,17	13,859	16,106	Tăng 10%
Vốn điều lệ	156	156	156	
Cổ tức bình quân	1,5%/VĐL	5%	6%	
Quỹ tiền lương/Thù lao HĐQT và BKS	56,9 triệu đồng	Phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2019 chi tiết như sau: (1) – Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu LNST năm 2019 thì thù lao bằng 3% LNST (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định); (2) – Trường hợp LNST thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST vượt so với kế hoạch thì thù lao được tăng tối đa 2% thù lao theo mức hoàn thành kế hoạch. Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2019 (bao gồm TV chuyên trách HĐQT, Ban TGD, KTT, TV BKS chuyên trách);		

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019 tối thiểu	Kế hoạch 2019 mục tiêu	Ghi chú
		(3) - Trường hợp LNST thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST giảm so với kế hoạch thì giảm 1% so với mức thù lao hoàn thành kế hoạch. (4) - Trong trường hợp lỗ không thực hiện chi trả thù lao.		
Xin ý kiến về các chỉ tiêu KH SXKD trên và trong trường hợp Công ty đạt vượt KH LN mục tiêu thì trích thưởng cho CBCNV Công ty 40% của Lợi nhuận vượt so với KH LN mục tiêu để thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.				

2. **Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019:** Căn cứ vào lợi nhuận đăng ký, trình ĐHĐCĐ thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 tối thiểu là 5% VDL (Dự kiến).

3. **Kế hoạch đầu tư:**

3.1. Dự án 1: Nâng cao năng xuất sản xuất cấp Lan , đầu tư thêm thêm 03 máy bện xoắn giá trị ước tính 105.000 USD (2,5 tỷ đồng) nâng công suất sản xuất từ 3500 hộp/tháng lên 5500 hộp/tháng.

3.2. Dự án 2: Đầu tư 1 xe nâng 3,5 tấn- trị giá 800 triệu đồng.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).
N như trên

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Ngô Hồng Quân	1973	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2017- 2022)	108.160	0,69 %	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
	- Ông Ngô Hồng Quân làm Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số							

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
	36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. - Ông Ngô Hồng Quân đổi tên thành Ngô Hoàng Phương theo Nghị Quyết số 42/18/NQ-HĐQT ngày 28/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP và Văn bản số 23/TL TĐHT ngày 03/10/2018 của UBND Huyện Thiệu Hóa Tỉnh Thanh Hóa.							
3	Trần Xuân Thái	1970	Hà Nội	Thạc sỹ	UV HĐQT / PTGD nhiệm kỳ III (2017-2022)	3.140.800	20,13%	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
	Trong đó Ông Trần Xuân Thái làm đại diện (20%) phần vốn của Tập đoàn VNPT tại VINACAP (trong tổng số 32%)					3.120.000		
	- Ông Trần Xuân Thái làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. - Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Xuân Thái kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) theo Nghị Quyết số 42/18/NQ-HĐQT ngày 28/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.							
4	Ông Trần Quốc Việt	1964	Hung Yên	Tiến sỹ	UV HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022)	1.875.744	12,02%	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
	Trong đó Ông Trần Quốc Việt làm đại diện (12%) phần vốn của Tập đoàn VNPT tại VINACAP (trong tổng số 32%)					1.872.000		
	Ông Trần Quốc Việt làm UV HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.							
5	Vũ Hồng Hạnh	1974	Thái Bình	Cử nhân	UV HĐQT / TGD nhiệm kỳ III (2017-2022)	78.520	0,50 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
	Bà Vũ Hồng Hạnh làm UV HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.							
6	Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Phó TGD Côngty	80.080	0,51%	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
	- Ông Ngô Hữu Tâm làm UV HĐQT Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số							

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
	36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. - Ông Ngô Hữu Tâm thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 02 tháng 07 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) theo Nghị Quyết số 38/18/NQ-HĐQT ngày 22/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP để tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) đã được bầu theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.							

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Hội đồng quản trị đã chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - o Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - o Làm biên bản các cuộc họp;
 - o Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - o Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

** Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022):*

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Hồng Quân/ Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	-
2	Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT	5/5	100%	-
	<i>(Đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc VINACAP)</i>				
3	Ông Trần Xuân Thái	Ủy viên HĐQT	5/5	100%	-

	<i>(Đại diện vốn Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP, Phó Tổng Giám đốc VINACAP)</i>				
1	Ông Lê Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	2/5	40%	-
	<i>(Đại diện vốn Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP đến trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07/06/2018)</i>				
1	Ông Trần Quốc Việt	Chủ tịch HĐQT	3/5	60%	-
	<i>(Đại diện vốn Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07/06/2018)</i>				
5	Ông Đinh Quang Hữu	Ủy viên HĐQT	2/5	40%	-
	<i>(Thành viên HĐQT độc lập đến trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07/06/2018)</i>				
5	Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT	3/5	60%	-
	<i>(Thành viên HĐQT độc lập từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07/06/2018)</i>				

*** Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm	Số NQ/QĐ	Nội dung	Nơi ban hành
Ngày 07/02/2018	21/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 29 (Họp thường kỳ)	HĐQT
Ngày 24/04/2018	23/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 30 (Họp thường kỳ)	HĐQT
Ngày 22/06/2018	38/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 31 (Họp thường kỳ)	HĐQT
Ngày 17/09/2019	40/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 32 (Họp thường kỳ)	HĐQT
Ngày 28/11/2018	42/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 33 (Họp thường kỳ)	HĐQT

(Trong kỳ HĐQT Công ty tổ chức 5 cuộc họp trực tiếp có sự tham dự của Ban kiểm soát Công ty, một số cán bộ quản lý của Công ty).

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Trình	1983	Hải Dương	Thạc Sĩ	Trưởng Ban KS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
2	Định Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Đinh Quang Hữu thôi làm TV HĐQT Công ty để làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.								
3	Vũ Hoàng Công	1984	Lạng Sơn	Thạc sỹ, CPA	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
4	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	10.400	0,07%	
Ông Phạm Văn Ninh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 02 tháng 07 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) để tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) đã được bầu theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018								
5	Phạm Thùy Dương	1990	Hải Dương	Cử nhân	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Bà Phạm Thùy Dương thôi làm TV BKS Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.								

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quang Trình	Trưởng ban	4/5	100%	Vắng mặt có lý do

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
2	Ông Vũ Hoàng Công	Thành viên	3/5	60%	Vắng mặt có lý do
	(Chuyên viên Ban Tài chính Tập đoàn VNPT)				
3	Bà Phạm Thùy Dương	Thành viên	2/5	40%	-
	Bà Phạm Thùy Dương thôi làm TV BKS Công ty từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.				
	Ông Đinh Quang Hữu	Thành viên	5/5	100%	
	Ông Đinh Quang Hữu thôi làm TV HĐQT Công ty để làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) từ ngày 7/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông.				
	Ông Phạm Văn Ninh	Thành viên	4/5	80%	Vắng mặt có lý do
	Ông Phạm Văn Ninh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 02 tháng 07 năm 2018 (theo nguyện vọng cá nhân) để tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) đã được bầu theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018				

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Năm 2018: HĐQT và Ban kiểm soát không sử dụng chi phí gì bằng nguồn chi phí của Công ty cho hoạt động của mình.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội

đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính năm 2018:

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được lập ngày 26/02/2019, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc:

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo Cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và tình hình tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán gồm:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HỒNG HẠNH

Liên hệ Công ty VINACAP:

Mr Lê Anh Xuân - Thư ký HĐQT
HP: 0919.26.85.85 - Email: xuanla@vinacap.vn
ĐT: 04.35377989 - Fax: 04.35377988